

**CÔNG TY CỔ
PHẦN XI MĂNG
VÀ KHOÁNG
SẢN YÊN BÀI**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN XI
MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI
DN: C=VN, L=YÊN BÀI, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN
BÀI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:5200216647
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.03.29 08:50:36+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.4.0

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN
YÊN BÀI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHẬN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	7 - 54
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	<i>7 - 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2024</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2024</i>	<i>12 - 13</i>
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024</i>	<i>14 - 48</i>
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>49 - 54</i>

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (trước đây là Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bái) được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-UB ngày 17 tháng 12 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200216647 ngày 01 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp bổ sung 13 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, tên công ty, người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ của công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 5 năm 2020 thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 13: 118.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2024: 118.000.000.000 đồng

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Điện thoại : 0216 3885154
Fax : 0216 3885585
E-mail : ximangyb@gmail.com
Website : www.ybcmjsc.com
Mã số thuế : 5200216647

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Xí nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Nhà máy chế biến	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 54).

SỰ KIỆN ẢNH HƯỞNG ĐÁNG KÊ ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 122.062.672.040 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính được lập theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tổng hợp này bao gồm:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Xuân Nguyên	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Phú	Ủy viên
Ông Phạm Việt Thương	Ủy viên

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Quang Chiến	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06/05/2024
Ông Tống Văn Tý	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 06/05/2024

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phạm Quang Phú	Giám đốc	
Ông Nguyễn Hồng Phong	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Việt Thương	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05/01/2024
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Giám đốc	

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đình Hoàng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Phạm Quang Phú

Số : 0612.01/2024/BCTC- NTV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2024**Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025 từ trang 07 đến trang 54, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh VIII.7 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 122.062.672.040 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Vì vậy Ban Giám đốc cho rằng việc lập Báo cáo tài chính theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNTK số: 1690-2023-124-1

Phạm Văn Tuấn

GCNĐKHNTK số: 4497-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		686.908.399.703	557.697.089.026
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7.092.360.388	4.681.939.550
1. Tiền	111		7.092.360.388	4.681.939.550
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		400.721.920.786	355.755.586.031
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	372.802.519.043	328.652.905.426
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	29.090.958.428	29.121.770.482
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.768.565.487	5.764.704.185
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.940.122.172)	(7.783.794.062)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		268.017.920.211	193.514.801.424
1. Hàng tồn kho	141	V.7	268.017.920.211	193.514.801.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.076.198.318	3.744.762.021
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.273.348.023	656.675.389
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.802.850.295	3.088.086.632
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		683.550.688.487	535.396.033.031
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.058.307.484	4.889.546.416
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5.058.307.484	4.889.546.416
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		643.370.866.614	401.864.183.648
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	606.556.522.042	358.052.227.101
<i>Nguyên giá</i>	222		1.057.027.559.013	770.209.832.514
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(450.471.036.971)	(412.157.605.413)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	36.748.344.572	43.734.956.547
<i>Nguyên giá</i>	225		41.139.960.382	51.129.188.474
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(4.391.615.810)	(7.394.231.927)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	66.000.000	77.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		272.436.364	272.436.364
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(206.436.364)	(195.436.364)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	24.361.908.031	117.552.674.726
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		24.361.908.031	117.552.674.726
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.825.931.227	4.476.034.431
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2a	4.262.469.000	4.262.469.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2a	(436.537.773)	(786.434.569)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.933.675.131	6.613.593.810
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	5.933.675.131	6.613.593.810
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.370.459.088.190	1.093.093.122.057

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.232.844.954.455	969.930.891.398
I. Nợ ngắn hạn	310		808.971.071.743	725.878.466.847
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	369.127.254.313	308.815.470.322
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	78.026.793.464	77.140.541.124
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	12.758.159.075	13.832.845.374
4. Phải trả người lao động	314		19.638.617.303	16.625.291.591
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	13.663.517.240	8.709.876.808
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		22.863.954	29.723.140
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	23.139.234.450	22.840.805.087
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	292.594.631.944	277.883.913.401
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		423.873.882.712	244.052.424.551
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	141.000.000.000	55.000.000.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	282.873.882.712	189.052.424.551
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.614.133.735	123.162.230.659
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	137.614.133.735	123.162.230.659
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		118.000.000.000	118.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		118.000.000.000	118.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.086.494.455	9.086.494.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		261.000.000	261.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(258.200.000)	(258.200.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.492.110.068	8.492.110.068
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.032.729.212	(12.419.173.864)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.419.173.864)	(19.814.664.048)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.451.903.076	7.395.490.184
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.370.459.088.190	1.093.093.122.057

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Hồng Nhung

Nguyễn Đình Hoàng

Phạm Quang Phú



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	846.783.712.063	964.988.826.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.402.803.682	2.810.158.001
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		844.380.908.381	962.178.668.836
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	741.449.379.237	871.456.726.274
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102.931.529.144	90.721.942.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	438.434.861	94.461.535
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	45.217.934.366	40.348.274.073
Trong đó: chi phí lãi vay	23		41.512.264.052	40.495.205.571
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15.591.782.169	17.862.055.918
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.158.309.739	15.454.617.157
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.401.937.731	17.151.456.949
11. Thu nhập khác	31	VI.7	144.055.556	6.859.186
12. Chi phí khác	32	VI.8	9.288.464.287	4.353.381.415
13. Lợi nhuận khác	40		(9.144.408.731)	(4.346.522.229)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.257.529.000	12.804.934.720
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4.805.625.924	5.409.444.536
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.451.903.076	7.395.490.184
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	1.227,42	628,11
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	1.227,42	628,11

Người lập biểu

Như

Vũ Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

NCT

Nguyễn Đình Hoàng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.257.529.000	12.804.934.720
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	40.193.983.064	37.349.431.265
- Các khoản dự phòng	03	(193.568.686)	149.113.597
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(65.999)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(68.764.676)	(94.461.535)
- Chi phí lãi vay	06	41.512.264.052	40.495.205.571
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	100.701.376.755	90.704.223.618
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(43.034.505.252)	(156.791.257.544)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(159.098.236.318)	(34.690.474.463)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	151.004.968.107	172.455.273.849
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	5.336.655.571	8.758.947.083
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(39.508.110.848)	(39.912.944.602)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.450.503.424)	(2.829.538.662)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.951.644.591	37.694.229.279
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(115.010.398.848)	(132.337.856.098)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	8.073.933.555	17.405.481.641
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	68.764.676	94.461.535
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(106.867.700.617)	(114.837.912.922)

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		737.624.998.974	793.431.179.304
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(620.664.986.081)	(699.611.522.374)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(17.633.602.028)	(19.957.407.610)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		99.326.410.865	73.862.249.320
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.410.354.839	(3.281.434.323)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.681.939.550	7.963.373.873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		65.999	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7.092.360.388	4.681.939.550

Người lập biểu

Như

Vũ Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Như

Nguyễn Đình Hoàng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Giám đốc



Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất xi măng;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
 - Kinh doanh thương mại - dịch vụ;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Xây dựng công trình dân dụng./.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán công ty có 290 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 290 nhân viên).
6. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**
Không có.
7. **Cấu trúc doanh nghiệp:**
Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Xí nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Nhà máy chế biến	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
8. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC tổng hợp:**
Số liệu BCTC tổng hợp năm 2024 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp năm 2023.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toàn được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi cần cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

Loại tài sản cố định

Số năm

Máy móc và thiết bị

9-15

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5-10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Các chi phí khác

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ..

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản duyệt minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

21. Công cụ tài chính

1. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	322.231.683	96.976.227
Tiền gửi ngân hàng	6.770.128.705	4.584.963.323
Cộng	7.092.360.388	4.681.939.550

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với tỷ lệ 1,67%

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(786.434.569)	(933.847.317)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng (*)	349.896.796	147.412.748
Số cuối năm	(436.537.773)	(786.434.569)

(*) Số hoàn nhập trong năm 2024 dựa trên số liệu Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình chưa được kiểm toán.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2020, kỳ hạn trái phiếu 07 năm. Đang được cầm cố tại chính ngân hàng này (Xem thuyết minh V.18)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoàng Nghĩa Ruby	11.377.961.890	31.087.961.890
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Xây dựng Thuận Môn	52.573.197.200	31.641.280.200
Công ty TNHH MTV Thuận Hiếu	56.516.279.720	39.427.523.820
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Lao Kay	909.105.999	26.642.135.000
Công ty TNHH Vân Long	35.881.858.000	15.978.897.000
Các khách hàng khác	215.544.116.234	183.875.107.516
Cộng	372.802.519.043	328.652.905.426

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
HTX Khai thác Dịch vụ Thương mại và Vận chuyển đá Thanh Hải	7.459.852.040	18.111.114.315
Công ty TNHH Nguyên Sinh Phú Thọ	6.045.313.760	2.299.507.036
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Thiết bị máy Cường Thịnh	6.671.405.500	-
Các nhà cung cấp khác	8.914.387.128	8.711.149.131
Cộng	29.090.958.428	29.121.770.482

5. Các khoản phải thu khác
a) Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	1.297.435.170	-	1.062.010.200	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.471.130.317	-	4.702.693.985	-
Cộng	6.768.565.487	-	5.764.704.185	-

b) Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(7.783.794.062)	(7.487.267.717)
Tăng do trích lập trong năm	(156.328.110)	(325.626.345)
Hoàn nhập trong năm	-	29.100.000
Số cuối năm	(7.940.122.172)	(7.783.794.062)

Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi xem phụ lục số 01.

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	246.868.405.061	172.913.740.644
Công cụ, dụng cụ	2.600.000	2.600.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.643.264.173	5.255.987.773
Thành phẩm	14.503.650.977	15.342.473.007
Cộng	268.017.920.211	193.514.801.424

8. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	97.139.696	97.319.778
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.176.208.327	559.355.611
Cộng	1.273.348.023	656.675.389

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.220.642.382	5.273.409.526	(6.656.784.638)	4.837.267.270
Công cụ dụng cụ	302.613.166	449.072.474	(309.736.647)	441.948.993
Bảo hiểm rủi ro TS thuê tài chính	90.338.262	51.143.144	(32.572.538)	108.908.868
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	660.300.000	(114.750.000)	545.550.000
Cộng	6.613.593.810	6.433.925.144	(7.113.843.823)	5.933.675.131

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	243.479.979.529	503.960.815.834	21.289.878.983	1.479.158.168	770.209.832.514
Mua trong năm	-	19.246.837.588	-	-	19.246.837.588
Đầu tư XDCB hoàn thành	21.135.038.888	240.758.072.246	-	-	261.893.111.134
Tăng do mua tại TS thuê tài chính	-	20.370.089.909	5.677.777.777	-	26.047.867.686
Thanh lý, nhượng bán	-	(20.370.089.909)	-	-	(20.370.089.909)
Số cuối năm	264.615.018.417	763.965.725.668	26.967.656.760	1.479.158.168	1.057.027.559.013
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	36.102.383.460	59.637.839.546	3.703.132.108	1.143.158.168	100.586.513.282
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	125.285.283.982	269.591.309.584	16.015.268.265	1.265.743.582	412.157.605.413
Khấu hao trong năm	11.801.947.803	22.491.457.079	1.387.927.911	-	35.681.332.793
Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	4.872.167.623	2.632.098.765	-	7.504.266.388
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.872.167.623)	-	-	(4.872.167.623)
Số cuối năm	137.087.231.785	292.082.766.663	20.035.294.941	1.265.743.582	450.471.036.971
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	118.194.695.547	234.369.506.250	5.274.610.718	213.414.586	358.052.227.101
Số cuối năm	127.527.786.632	471.882.959.005	6.932.361.819	213.414.586	606.556.522.042

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 628.349.556.798 VND và 228.655.381.453 VND được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và trung hạn tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc thuê tài chính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	51.129.188.474	51.129.188.474
Thuê tài chính trong năm	15.497.922.286	15.497.922.286
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(25.487.150.378)	(25.487.150.378)
Số cuối cuối năm	41.139.960.382	41.139.960.382
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	7.394.231.927	7.394.231.927
Khấu hao trong năm	4.501.650.271	4.501.650.271
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(7.504.266.388)	(7.504.266.388)
Số cuối năm	4.391.615.810	4.391.615.810
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	43.734.956.547	43.734.956.547
Số dư cuối năm	36.748.344.572	36.748.344.572

11. Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	272.436.364	(195.436.364)	77.000.000
Tăng trong năm	-	(11.000.000)	(11.000.000)
Số cuối năm	272.436.364	(206.436.364)	66.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Dã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	162.436.364		

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang hình thành TSCĐ	115.909.230.699	170.027.942.466	(261.893.111.134)	-	24.044.062.031
Nhà vệ sinh NMCB	11.528.636	-	-	-	11.528.636
Xây dựng hạng mục khác	8.206.830.031	-	-	-	8.206.830.031
Nâng cấp, cải tạo máy nghiền xi măng số 2	3.247.355.370	1.168.318.146	(3.247.355.370)	-	1.168.318.146
Nâng cấp, cải tạo máy nghiền xi măng số 1	4.066.201.570	6.485.632.469	(10.551.834.039)	-	-
Nâng cấp, cải tạo máy nghiền liệu LQ057	-	3.448.015.500	-	-	3.448.015.500
Nâng cấp, cải tạo lò nung Clinker	15.727.839.662	5.407.199.226	(21.135.038.888)	-	-
Đo đạc lập hồ sơ mỏ Mông Sơn - Xí nghiệp khai thác đá	87.081.800	-	-	-	87.081.800
Kho chứa nguyên vật liệu	-	238.211.548	-	-	238.211.548
Nâng cấp, cải tạo máy đóng bao TN017	-	101.322.182	-	-	101.322.182
Nâng cấp, cải tạo máy đập búa LQ032	-	129.640.000	-	-	129.640.000
Nâng cấp, cải tạo máy nghiền than LQ157	-	382.700.000	-	-	382.700.000
Nâng cấp, cải tạo máy nghiền xi măng số 3 XM2020.09	-	2.786.819.364	-	-	2.786.819.364
Dự án cải tạo, thay thế, lắp mới một số thiết bị công nghệ, giảm CPSXXM, tăng HQSXKD	79.791.022.584	127.284.649.397	(207.075.671.981)	-	-
Nâng cấp, cải tạo máy cán ép số 1	4.771.371.046	2.362.429.694	(6.517.972.840)	-	615.827.900
Cải tạo dây chuyền đốt nhiên liệu thay thế	-	2.041.980.735	-	-	2.041.980.735
Nâng cấp, cải tạo máy cán ép số 2	-	504.761.545	-	-	504.761.545
Máy sấy nhiên liệu thay thế	-	727.463.000	-	-	727.463.000
Dây chuyền máy đóng bao số 5 - Nhà máy xi măng	-	4.495.819.711	(4.495.819.711)	-	-
Hệ thống khử khí Bypass	-	8.869.418.305	(8.869.418.305)	-	-
Lắp đặt công đoạn phân ly tiền nghiền máy nghiền xi măng 1	-	3.406.360.887	-	-	3.406.360.887
Dây chuyền máy đóng bao Jumbo	-	187.200.757	-	-	187.200.757
Sửa chữa lớn TSCĐ	1.643.444.027	3.947.811.499		(5.273.409.526)	317.846.000
Sửa chữa lớn TSCĐ khác	1.643.444.027	3.947.811.499		(5.273.409.526)	317.846.000
Cộng	117.552.674.726	173.975.753.965	(261.893.111.134)	(5.273.409.526)	24.361.908.031

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**13. Phải trả người bán****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hoà Bình	20.897.294.001	1.791.849.489
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	8.409.023.168	19.409.023.168
Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Thuận Môn	20.368.989.948	13.592.076.795
Công ty TNHH MTV Thuận Hiếu	18.645.683.270	20.509.037.140
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hồng Phát	20.913.585.471	228.425.008
Công ty TNHH Một thành viên Tiến Sa	14.453.540.925	26.994.651.325
Công ty TNHH SXDV và TM Quỳnh Anh	2.867.363.798	23.967.363.798
Công ty TNHH Văn Long	13.658.484.796	17.950.210.596
Các nhà cung cấp khác	248.913.288.936	184.372.833.003
Cộng	369.127.254.313	308.815.470.322

b) Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hồng Phát	30.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Văn Long	23.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV thương mại và xây dựng Thuận Môn	25.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thuận Hiếu	34.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH Hòa bình	-	10.000.000.000
Công ty TNHH SXDV và TM Quỳnh Anh	14.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Tiến Sa	15.000.000.000	-
Cộng	141.000.000.000	55.000.000.000

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Rupi Hoàng Sơn	7.628.528.442	10.286.942.185
Công ty TNHH Sản xuất dịch vụ và Thương mại Quỳnh Anh	1.643.927.400	4.194.507.400
HTX khai thác dịch vụ TM và vận chuyển đá Thanh Hải	27.167.830.160	30.254.916.202
Ông Lương Đoàn Khuê	6.170.800.240	5.560.274.300
Ông Nguyễn Bá Ngọc	7.887.495.220	6.159.433.220
Đại lý Nguyễn Thu Lương	3.419.483.676	5.827.913.310
Bà Tô Thị Kim Hân	5.500.237.710	2.734.104.320
Các khách hàng khác	18.608.490.616	12.122.450.187
Cộng	78.026.793.464	77.140.541.124

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.941.689.946	(2.941.689.946)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	35.046.940	(35.046.940)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.291.477.862	4.805.625.924	(5.450.503.424)	4.646.600.362
Thuế thu nhập cá nhân	525.191.775	1.360.373.085	(1.404.302.050)	481.262.810
Thuế tài nguyên	4.494.403.705	6.695.315.948	(7.950.410.428)	3.239.309.225
Tiền thuê đất	1.657.122.558	1.148.986.513	(567.671.174)	2.238.437.897
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.864.649.474	5.976.100.335	(5.688.201.028)	2.152.548.781
Cộng	13.832.845.374	22.963.138.691	(24.037.824.990)	12.758.159.075

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%; 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	5.424.844.848	3.420.691.644
Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Gia Long	2.075.000.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.163.672.392	5.289.185.164
Cộng	13.663.517.240	8.709.876.808

17. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	385.869.180	-
Bảo hiểm xã hội (trợ cấp ốm đau, thai sản)	3.771.013.230	3.771.013.230
Công ty Cổ phần Latca (Đặt cọc tiền mua thiết bị)	650.000.000	650.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	35.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.859.000	1.859.000
Vay Clinker của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	1.756.554.464	1.756.554.464
Khách mua hàng gửi lại kho công ty	11.504.011.119	12.437.210.936
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.034.927.457	4.189.167.457
Cộng	23.139.234.450	22.840.805.087

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**18. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	269.984.125.719	269.984.125.719	268.048.826.637	268.048.826.637
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (*)	169.984.225.719	169.984.225.719	168.048.926.637	168.048.926.637
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình (**)	99.999.900.000	99.999.900.000	99.999.900.000	99.999.900.000
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	7.599.999.997	7.599.999.997	1.449.869.863	1.449.869.863
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	7.599.999.997	7.599.999.997	1.449.869.863	1.449.869.863
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.010.506.228	8.010.506.228	8.385.216.901	8.385.216.901
Công ty cho thuê tài chính Chailease	8.010.506.228	8.010.506.228	8.385.216.901	8.385.216.901
Cộng	292.594.631.944	292.594.631.944	277.883.913.401	277.883.913.401

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/783294/HĐTD ngày 15 tháng 08 năm 2024. Hạn mức tín dụng 170.000.000.000 VND trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/783294/HĐTD ngày 25 tháng 08 năm 2023 sang. Mục đích vay vốn lưu động, phát hành L/C. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 07 năm 2025, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất ngân hàng trong từng thời kỳ.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ giá trị tài sản trên đất và máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải của: Nhà máy chế biến CaCO₃; Nhà máy xi măng công nghệ lò quay; Nhà máy xi măng lò đứng; Văn phòng công ty; Máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm; Xí nghiệp khai thác đá thuộc Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái.

+ Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho/hàng hóa luân chuyển của công ty theo hợp đồng khung thế chấp tài sản số 02/2023/78294/HĐĐB và biên bản định giá ngày 31/7/2024 giá trị tài sản thế chấp là 123.493.340.000 VNĐ

+ Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ/các khoản phải thu của công ty theo hợp đồng thế chấp số 01/2023/783294/HĐĐB ngày 31/07/2023 và Biên bản định giá ngày 31/7/2024 giá trị tài sản đảm bảo là 240.508.000.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dây chuyền nghiền phụ gia xi măng (dây chuyền nghiền số 3) và ô tô, xe máy chuyên dùng tại Nhà máy Xi măng của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 21.020.100.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

+ Thế chấp tài sản là toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Nhà máy Xi măng của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 6.571.500.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Nhà máy xi măng lò quay và lò đứng của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 56.956.750.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại khu văn phòng công ty của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 1.356.500.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ dự án Đầu tư xây dựng Trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm và các thiết bị đầu tư bổ sung cho Nhà máy xi măng của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 26.026.300.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án Đầu tư cải tạo nhằm thiết kế điện năng, nâng cao năng suất nghiền xi măng và nghiền bột Cacbonat Canxi, tăng cường năng lực khai thác đá nguyên liệu tại Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 5.079.000.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hình thành từ dự án cải tạo, nâng công suất nhà máy chế biến CaCO_3 của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 1.388.400.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là tàu vận chuyển tại Trạm đập đá vôi của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 907.200.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là tàu vận chuyển tại Trạm đập đá vôi của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 907.200.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, xe máy chuyên dùng thuộc của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 57.983.020.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất thuộc nhà máy chế biến bột đá CaCO_3 của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thị trấn Yên Bình – Huyện Yên Bình – Tỉnh Yên Bái. Giá trị tài sản đảm bảo là 24.481.500.000 VNĐ.

(**) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện Yên Bình Bắc Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng số 12.2024/HĐTD ngày 31 tháng 12 năm 2024. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VNĐ. Hạn mức tín dụng trên bao gồm dự nợ của Hợp đồng tín dụng số 01.2024/HĐTD ngày 28 tháng 03 năm 2024 chuyển sang. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động và các hình thức cấp tín dụng khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025-2026. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng thế chấp như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương L ý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

+ Thế chấp tài sản là Dây chuyền máy móc thiết bị (dành cho nhiên liệu thay thế) gồm: Hệ thống cứu hỏa, Hệ thống nhà kho chứa nhiên liệu thay thế; Hệ thống nghiền nhiên liệu thay thế; Hệ thống băng tải cấp nhiên liệu thay thế; Hệ thống buồng đốt phụ; Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0623.2023/HĐTC ngày 16/01/2023 giữa ngân hàng và bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 29.188.525.524 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là Máy đào bánh lốp BD95W-9B1 nhãn hiệu BAODING; Máy xúc lật SDLG nhãn hiệu SDLG theo Hợp đồng thế chấp phương tiện máy móc số 0323.2023/HĐTC ngày 16/1/2023 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 1.680.904.883 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là Hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp phương tiện máy móc số 0923.2023/HĐTC ngày 27/9/2023 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 12.187.801.732 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp phương tiện máy móc số 02.2024/HĐTC ngày 18/03/2024 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 10.954.296.386 VNĐ.

- Thế chấp tài sản là máy xúc lật SDLG và máy xúc đào bánh xích của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 01.2024/HĐTC ngày 18/03/2024 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 2.257.743.057 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp phương tiện máy móc số 03.2024/HĐTC ngày 29/03/2024 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 8.415.000.000 VNĐ.

+ Cầm cố tài sản là Trái phiếu Agribank theo Hợp đồng cầm cố tài sản số: 03-2021/ HĐTC ngày 10/03/2021 giữa Ngân hàng và Bên cầm cố là Công ty Cổ phần xi măng và khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 1.000.000.000 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12-2024/HĐTC ngày 26/12/2024 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 2.175.806.219 VNĐ.

- Thế chấp tài sản là hệ thống dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 12-2024/HĐTC ngày 26/12/2024 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 2.175.806.219 VNĐ.

+ Thế chấp tài sản là dây chuyền máy móc thiết bị thuộc Trạm nghiền xi măng công suất 500.000 tấn/năm do Công ty CP Xi măng và Khoáng sản Yên Bái đầu tư theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 04.2022-TH/HĐTC-479 ngày 29/03/2022 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 28.603.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	268.048.826.637	606.992.363.974	-	(605.057.064.892)	269.984.125.719
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	168.048.926.637	308.687.567.770	-	(306.752.268.688)	169.984.225.719
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình	99.999.900.000	298.304.796.204	-	(298.304.796.204)	99.999.900.000
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác	-	25.000.000.000	-	(18.000.000.000)	7.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.449.869.863	-	7.600.000.000	(1.449.869.866)	7.599.999.997
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	1.449.869.863	-	7.600.000.000	(1.449.869.866)	7.599.999.997
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	8.385.216.901	-	8.010.506.228	(8.385.216.901)	8.010.506.228
Công ty cho thuê tài chính Chaitlease	8.385.216.901	-	8.010.506.228	(8.385.216.901)	8.010.506.228
Cộng	277.883.913.401	631.992.363.974	15.610.506.228	(632.892.151.659)	292.594.631.944

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (1)	89.774.826.104	89.774.826.104	60.647.191.104	60.647.191.104
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác				
Ông Nguyễn Ngọc Phương (4)	24.600.000.000	24.600.000.000	14.900.000.000	14.900.000.000
Ông Vũ Xuân Nguyên (3)	15.800.000.000	15.800.000.000	14.100.000.000	14.100.000.000
Bà Vũ Thị Thanh Ngân (3)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Bà Lê Thị Thanh Hương (3)	13.470.000.000	13.470.000.000	13.470.000.000	13.470.000.000
Bà Ninh Thị Tuyền (3)	12.000.000.000	12.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000
Ông Lê Văn Tâm (3)	10.800.000.000	10.800.000.000	10.800.000.000	10.800.000.000
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác (3)	33.900.000.000	33.900.000.000	37.100.000.000	37.100.000.000
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác (4)	58.861.299.400	58.861.299.400	3.156.299.400	3.156.299.400
Nợ thuê tài chính				
Công ty cho thuê tài chính Chaitlease (2)	11.667.757.208	11.667.757.208	11.878.934.047	11.878.934.047
Cộng	282.873.882.712	282.873.882.712	189.052.424.551	189.052.424.551

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(1) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam – Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng tín dụng sau:

a, Hợp đồng số 02/2021/783294/HĐTD ngày 15/07/2021. Mục đích vay: Hoàn vốn đầu tư và thanh toán chi phí Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, nhà cửa vật kiến trúc thuộc Công ty cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái nhằm nâng cao năng lực sản xuất. Số tiền vay: 20.000.000.000 VND với thời gian 7 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm áp dụng đến ngày 10/01/2022 và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BHDB; Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, nhà cửa vật kiến trúc thuộc Công ty cổ phần Xi măng và khoáng sản Yên Bái.

b, Hợp đồng tín dụng số 02/2023/783294/HĐTD ngày 28/12/2023, mục đích vay bảo lãnh thực hiện dự án cải tạo, thay thế, lắp đặt mới một số thiết bị công nghệ, giảm chi phí sản xuất xi măng, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái. Số tiền vay 80.000.000.000 VND với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm và được điều chỉnh 12 tháng/lần theo thông báo lãi suất.

-Tài sản đảm bảo là bất động sản thuộc sở hữu bên thứ 3 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2023/783294/HĐBĐ ngày 27/12/2023. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo Biên bản định giá số 11/2023/783294/BBDG ngày 27/12/2023 là 3.040.000.000 VND.

-Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản và quyền tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư dự án Cải tạo, thay thế, lắp mới một số thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh gồm: Lò quay; hệ thống cyclom thấp trao đổi nhiệt; hệ thống ghi làm nguội clinker, lò nhiệt phân rác thải. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 118.700.000.000 VND.

(2) Là khoản thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Chailease – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số 230360712 ngày 31/03/2023, tài sản thuê bao gồm: Máy nghiền bột đá; Máy tráng phủ; Máy sấy si bông; Máy cán ép. Tổng giá trị tài sản thuê là 17.756.994.306 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số 231112812 ngày 10/11/2023, tài sản thuê bao gồm: Máy nghiền rulo clanke kiểu XYG140-80; Sàng quay đôi; Hệ thống gầu tải B800xL28500 – model N-TGD800H-L28500. Tổng giá trị tài sản thuê là 10.259.261.280 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số C201108612, tài sản thuê bao gồm: Máy cán ép, Hệ thống lọc bụi xử lý khí thải, Máy đóng bao, tổng giá trị tài sản thuê là 21.924.754.306 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số C240717412, tài sản thuê bao gồm: Máy cán ép, Hệ thống lọc bụi xử lý khí thải, Máy đóng bao, tổng giá trị tài sản thuê là 17.047.714.516 VND, thời hạn cho thuê là 36 tháng.

(3) Là khoản vay các tổ chức, cá nhân khác theo các kế ước cho vay với thời gian tối thiểu là 10 năm, tối đa 20 năm (theo từng kế ước và biên bản thoả thuận), lãi suất theo từng kế ước, mục đích sử dụng vốn là dùng cho Dự án cải tạo, thay thế, lắp mới một số thiết bị công nghệ, giảm CPSX, tăng hiệu quả kinh doanh và phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

(4) Là khoản vay các cá nhân khác theo các kế ước cho vay với số dư đến thời điểm 31/12/2024 là 58.861.299.400 VND thời gian vay từ 18 tháng đến tối đa 24 tháng, lãi suất theo từng kế ước, mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn lưu động cho công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngắn hạn	60.647.191.104	36.727.635.000	-	(7.600.000.000)	89.774.826.104
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	60.647.191.104	36.727.635.000	-	(7.600.000.000)	89.774.826.104
Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác	116.526.299.400	68.905.000.000	(4.000.000.000)	-	181.431.299.400
Nợ thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính Chaillease	11.878.934.047	17.047.714.516	(9.248.385.127)	(8.010.506.228)	11.667.757.208
	<u>11.878.934.047</u>	<u>17.047.714.516</u>	<u>(9.248.385.127)</u>	<u>(8.010.506.228)</u>	<u>11.667.757.208</u>
Cộng	<u>189.052.424.551</u>	<u>122.680.349.516</u>	<u>(13.248.385.127)</u>	<u>(15.610.506.228)</u>	<u>282.873.882.712</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	
						chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(19.814.664.048)	115.766.740.475
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	7.395.490.184	7.395.490.184
Số dư cuối năm trước	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(12.419.173.864)	123.162.230.659
Số dư đầu năm nay	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(12.419.173.864)	123.162.230.659
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	14.451.903.076	14.451.903.076
Số dư cuối năm nay	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	2.032.729.212	137.614.133.735

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	11.800.000	11.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	11.800.000	11.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.800.000	11.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(25.820)	(25.820)
- Cổ phiếu phổ thông	(25.820)	(25.820)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.774.180	11.774.180
- Cổ phiếu phổ thông	11.774.180	11.774.180
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.		

20. Các khoản mục ngoại bảng Căn đối kế toán tổng hợp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại	82,99	225,59
Dollar Mỹ (USD)	29.100.000	29.100.000
Nợ đã xử lý		

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	846.783.712.063	964.988.826.837
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	846.783.712.063	964.988.826.837
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.402.803.682)	(2.810.158.001)
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(2.402.803.682)	(2.810.158.001)
Doanh thu thuần	844.380.908.381	962.178.668.836

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	741.449.379.237	871.456.726.274
Cộng	741.449.379.237	871.456.726.274

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.264.676	7.461.535
Lãi trái phiếu	62.500.000	87.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	362.745.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	65.999	-
Doanh thu tài chính khác	6.859.186	-
Cộng	438.434.861	94.461.535

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	41.512.264.052	40.495.205.571
Lãi mua hàng trả chậm, chậm thanh toán	220.438.508	481.250
Chiết khấu thanh toán cho người mua	3.642.904.284	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(349.896.796)	(147.412.748)
Chi phí tài chính khác	192.224.318	-
Cộng	45.217.934.366	40.348.274.073

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.812.037.561	2.279.934.651
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.022.403.724	11.278.536.353
Các chi phí khác	757.340.884	4.303.584.914
Cộng	15.591.782.169	17.862.055.918

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.365.403.937	8.555.045.333
Chi phí khấu hao tài sản cố định	385.822.612	411.419.967
Thuế, phí và lệ phí	408.471.510	1.142.028.085
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	156.328.110	296.526.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.069.001.505	2.478.137.730
Các chi phí khác	2.773.282.065	2.571.459.697
Cộng	14.158.309.739	15.454.617.157

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền ủng hộ	140.000.000	-
Thu nhập khác	4.055.556	6.859.186
Cộng	144.055.556	6.859.186

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Chi bồi thường tai nạn lao động	3.178.258.000	-
Tiền trợ cấp cho nhân viên	3.941.260.180	-
Lãi phạt quá hạn thanh toán	-	1.186.962.436
Các khoản phạt, chậm nộp thuế, BHXH	1.038.768.673	1.722.781.899
Chi ủng hộ	698.600.000	1.093.559.000
Xử lý công nợ	-	240.181.084
Chi phí khác	431.577.434	109.896.996
Cộng	9.288.464.287	4.353.381.415

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.257.529.000	12.804.934.720
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.156.651.493	13.652.454.591
<i>Tiền phạt truy thu, phạt thuế, BHXH</i>	<i>1.038.768.673</i>	<i>1.722.200.230</i>
<i>Lãi vay không được trừ</i>	<i>1.046.445.206</i>	<i>11.930.254.361</i>
<i>Chi phí ủng hộ</i>	<i>698.600.000</i>	-
<i>Tiền trợ cấp cho nhân viên</i>	<i>3.941.260.180</i>	-
<i>Chi phí khác</i>	<i>431.577.434</i>	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	2.386.050.872	-
<i>Chi phí lãi vay các năm trước chuyển sang</i>	<i>2.386.050.872</i>	-
Thu nhập tính thuế	24.028.129.621	26.457.389.311
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>4.805.625.924</i>	<i>5.291.477.862</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>117.966.674</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.805.625.924	5.409.444.536

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.451.903.076	7.395.490.184
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.774.180	11.774.180
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.227,42	628,11

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.774.180	11.774.180
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.774.180	11.774.180

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	474.504.235.707	612.614.087.398
Chi phí nhân công	21.591.797.893	22.789.614.439
Chi phí khấu hao tài sản cố định	40.193.983.064	37.349.431.265
Thuế, phí và lệ phí	10.409.371.350	12.136.275.239
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	156.328.110	296.526.345
Chi phí dịch vụ mua ngoài	212.220.670.126	219.174.094.968
Chi phí khác	12.671.539.265	6.735.340.731
Cộng	771.747.925.515	911.095.370.385

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và phải trả tiền vay thuê tài sản tài chính	7.841.948.677	9.161.188.208
Bù trừ tiền phải trả tiền vay thuê tài sản tài chính và ký quỹ, ký cược dài hạn	1.041.425.802	1.449.585.737
Nhận nợ thuế tài chính	17.047.714.516	28.016.255.586

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan****a) Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, tiền thưởng		
Ông Vũ Xuân Nguyên	341.885.740	298.156.740
Ông Phạm Quang Phú	409.079.230	410.684.230
Ông Phạm Việt Thương	48.000.000	365.472.500
Ông Nguyễn Quang Chiến	340.802.385	339.896.116
Ông Nguyễn Hồng Phong	564.731.167	551.682.409
Ông Nguyễn Đình Hoàng	317.269.468	315.268.858
Ông Tống Văn Tý	-	167.307.800
Ông Nguyễn Văn Đức	335.719.200	237.787.700
Cộng	2.357.487.190	2.686.256.353

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

b) Giao dịch với các bên liên quan khác

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh Xi măng và Klinker

Lĩnh vực kinh doanh Bột đá & Đá hộc

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI
Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Xi măng	Bột đá	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	695.077.120.804	149.303.787.577	844.380.908.381
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	695.077.120.804	149.303.787.577	844.380.908.381
Chi phí theo bộ phận	626.027.970.582	115.421.408.655	741.449.379.237
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	69.049.150.222	33.882.378.922	102.931.529.144
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(29.750.091.908)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			73.181.437.236
Doanh thu hoạt động tài chính			438.434.861
Chi phí tài chính			(45.217.934.366)
Thu nhập khác			144.055.556
Chi phí khác			(9.288.464.287)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.805.625.924)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			14.451.903.076
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	327.982.014.486	1.137.649.352	329.119.663.838
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	38.944.782.052	8.363.044.835	47.307.826.887

Yên Bái 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xi măng vàklinker	Bột đá	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.120.849.235.821	198.914.943.516	1.319.764.179.337
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			50.694.908.853
Tổng tài sản			1.370.459.088.190
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	505.868.275.561	111.485.112.903	617.353.388.464
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			615.491.565.991
Tổng nợ phải trả			1.232.844.954.455
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	874.952.003.284	170.547.834.939	1.045.499.838.223
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			47.593.283.834
Tổng tài sản			1.093.093.122.057
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	364.096.038.447	91.249.054.660	455.345.093.107
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			514.585.798.291
Tổng nợ phải trả			969.930.891.398

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.092.360.388	4.681.939.550	7.092.360.388	4.681.939.550
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	364.862.396.871	320.869.111.364	364.862.396.871	320.869.111.364
Các khoản phải thu khác	11.826.872.971	10.654.250.601	11.826.872.971	10.654.250.601
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.825.931.227	3.476.034.431	3.825.931.227	3.476.034.431
Cộng	388.607.561.457	340.681.335.946	388.607.561.457	340.681.335.946
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	575.468.514.656	466.936.337.952	575.468.514.656	466.936.337.952
Phải trả người bán	510.127.254.313	363.815.470.322	510.127.254.313	363.815.470.322
Các khoản phải trả khác	56.441.368.993	48.175.973.486	56.441.368.993	48.175.973.486
Cộng	1.142.037.137.962	878.927.781.760	1.142.037.137.962	878.927.781.760

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	292.594.631.944	184.903.882.712	97.970.000.000	575.468.514.656
Phải trả người bán	369.127.254.313	141.000.000.000	-	510.127.254.313
Các khoản phải trả khác	56.441.368.993	-	-	56.441.368.993
Cộng	718.163.255.250	325.903.882.712	97.970.000.000	1.142.037.137.962

Số đầu năm

Vay và nợ	277.883.913.401	112.782.424.551	76.270.000.000	466.936.337.952
Phải trả người bán	308.815.470.322	55.000.000.000	-	363.815.470.322
Các khoản phải trả khác	48.175.973.486	-	-	48.175.973.486
Cộng	634.875.357.209	167.782.424.551	76.270.000.000	878.927.781.760

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hoàng Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 122.062.672.040 đồng. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính được lập theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Do bổ sung chi phí tiền thuê đất và phân loại lại chi phí khấu hao. Một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được điều chỉnh lại cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	29.136.770.482	(15.000.000)	29.121.770.482
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	3.073.086.632	15.000.000	3.088.086.632
Tài sản cố định hữu hình	221	359.385.893.768	(1.333.666.667)	358.052.227.101
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(410.823.938.746)	(1.333.666.667)	(412.157.605.413)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	42.401.289.880	1.333.666.667	43.734.956.547
Giá trị hao mòn lũy kế	226	(8.727.898.594)	1.333.666.667	(7.394.231.927)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.855.974.065	976.871.309	13.832.845.374
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(11.442.302.555)	(976.871.309)	(12.419.173.864)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.318.720.286	1.135.896.871	15.454.617.157
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.940.831.591	(1.135.896.871)	12.804.934.720
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.568.470.098	(159.025.562)	5.409.444.536
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	8.372.391.493	(976.901.309)	7.395.490.184
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70;71	711,08	(82,97)	628,11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ				
Lợi nhuận trước thuế	03	13.940.831.591	(1.135.896.871)	12.804.934.720
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	171.319.376.978	1.135.896.871	172.455.273.849

Lập ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Vũ Thị Hồng Nhung

Nguyễn Đình Hoàng

Phạm Quang Phú



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công nợ phải thu khách hàng		11.727.212.114	7.940.122.172		11.727.212.114	7.783.794.062
20 MICRONS LIMITED	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241
20 MICRONS SDN. BHD.	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384
Bà Hương Cài	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600
Bà Hảo	Quá hạn trên 3 năm	17.540.000	17.540.000	Quá hạn trên 3 năm	17.540.000	17.540.000
Bà Lon - Km 13	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000
CN Cty/TNHH/TV hơi KN que hàn-NM Đ&HC Trảng Kênh	Quá hạn trên 3 năm	166.436.500	116.505.550	Quá hạn trên 3 năm	166.436.500	116.505.550
Cty TNHH xi măng Việt Quang	Quá hạn trên 3 năm	99.820.600	99.820.600	Quá hạn trên 3 năm	99.820.600	99.820.600
Cty TNHH TM và Đầu tư Bắc Việt	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000
Công ty CP sản xuất thương mại ATD	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000
Công ty CP TM & ô tô Hàn Việt	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000	68.000.000	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000	68.000.000
Công ty CP XD & PT cơ sở hạ tầng VINASHIN	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000
Công ty CP XD phát triển Hoà Anh	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000	21.600.000	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000	21.600.000
Công ty CP XD và thương mại Tiến Thành	Quá hạn trên 3 năm	17.758.006	17.758.006	Quá hạn trên 3 năm	17.758.006	17.758.006
Công ty CP xi măng Lai Châu	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700
Công ty CP XL và Thương mại Ba Vì	Quá hạn trên 3 năm	7.420.410	7.420.410	Quá hạn trên 3 năm	7.420.410	7.420.410
Công ty CP đầu tư & PT Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000	15.200.000	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000	15.200.000
Công ty cổ phần Thông Việt	Quá hạn trên 3 năm	444.956.000	444.956.000	Quá hạn trên 3 năm	444.956.000	444.956.000
Công ty cổ phần xây dựng và Đầu tư Hà Nội	Quá hạn trên 3 năm	104.820.000	104.820.000	Quá hạn trên 3 năm	104.820.000	104.820.000
Công ty cổ phần giao thông - Xây dựng HJC1	Quá hạn trên 3 năm	6.385.000	6.385.000	Quá hạn trên 3 năm	6.385.000	6.385.000
Công ty cổ phần Hoá phẩm Dầu khí DMC -	Quá hạn trên 3 năm	6.569.045	6.569.045	Quá hạn trên 3 năm	6.569.045	6.569.045

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Miền bắc						
Công ty cổ phần I.II.AMA 3	Quá hạn trên 3 năm	175.784.204	175.784.204	Quá hạn trên 3 năm	175.784.204	175.784.204
Công ty cổ phần sản xuất và vận tải Thái Sơn	Quá hạn trên 3 năm	325.250.000	227.675.000	Quá hạn trên 3 năm	325.250.000	227.675.000
Công ty cổ phần XD và TM Sóng Hồng	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000
Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thanh Xuân	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	310.695.000	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	310.695.000
Công ty cổ phần xây lắp và Đầu tư Sông Đà	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000
Công ty cầu 13	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000
Công ty TM Hạ Long	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH Bình Minh	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400
Công ty TNHH Chiến Công	Quá hạn trên 3 năm	52.160.000	52.160.000	Quá hạn trên 3 năm	52.160.000	52.160.000
Công ty TNHH Chính Dũng	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000
Công ty TNHH Duy Thanh	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300
Công ty TNHH Gia Phát	Quá hạn trên 3 năm	40.000.000	40.000.000	Quá hạn trên 3 năm	40.000.000	40.000.000
Công ty TNHH Hải Ninh	Quá hạn trên 3 năm	8.285.500	8.285.500	Quá hạn trên 3 năm	8.285.500	8.285.500
Công ty TNHH Hợp Lực	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000
Công ty TNHH Hùng dũng	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550
Công ty TNHH kỹ nghệ Thái Dương	Quá hạn trên 3 năm	156.800.000	156.800.000	Quá hạn trên 3 năm	156.800.000	156.800.000
Công ty TNHH Long Thịnh	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và XD Quốc Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000
Công ty TNHH một thành viên 207	Quá hạn trên 3 năm	64.004.928	64.004.928	Quá hạn trên 3 năm	64.004.928	64.004.928
Công ty TNHH một thành viên thương mại	Quá hạn trên 3 năm	54.000.000	54.000.000	Quá hạn trên 3 năm	54.000.000	54.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
ĐÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Hùng Cường						
Công ty TNHH một thành viên Việt Nhi	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000
Công ty TNHH một thành viên Tây Bắc	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000
Công ty TNHH Nam Thanh	Quá hạn trên 3 năm	330.718.000	330.718.000	Quá hạn trên 3 năm	330.718.000	330.718.000
Công ty TNHH Nhung Hùng Lào Cai	Quá hạn trên 3 năm	59.382.440	59.382.440	Quá hạn trên 3 năm	59.382.440	59.382.440
Công ty TNHH Phú giang	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000
Công ty TNHH Quang Long	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000
Công ty TNHH SX TM Thái Thịnh Hoàng	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275
Công ty TNHH sản xuất & TM Mỹ Đức	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000
Công ty TNHH Thanh Long	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	7.665.000	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	7.665.000
Công ty TNHH Thanh Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	4.100.000	4.100.000	Quá hạn trên 3 năm	4.100.000	4.100.000
Công ty TNHH thương mại Gia Tùng	Quá hạn trên 3 năm	20.969.775	20.969.775	Quá hạn trên 3 năm	20.969.775	20.969.775
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đại Trường Phúc	Quá hạn trên 3 năm	57.300.000	57.300.000	Quá hạn trên 3 năm	57.300.000	57.300.000
Công ty TNHH TM DV SINABO	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000
Công ty TNHH Tùng Hương	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000
Công ty TNHH xây dựng công trình số VI	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000
Công ty TNHH Đăng Khoa	Quá hạn trên 3 năm	41.950.000	41.950.000	Quá hạn trên 3 năm	41.950.000	41.950.000
Công ty TNHH Đại Hưng	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000
Công ty TNHH Đất Đá	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400
Cửa hàng Phú lương	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999
DNTN TM - DV - SX Tân Hải Nam	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365
Doanh nghiệp TN Tín Phát	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000
Doanh nghiệp LN Việt Trung	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000
Doanh nghiệp tư nhân Oanh Hiếu	Quá hạn trên 3 năm	33.875.000	33.875.000	Quá hạn trên 3 năm	33.875.000	33.875.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Doanh nghiệp tư nhân Thành Lợi	Quá hạn trên 3 năm	35.885.000	35.885.000	Quá hạn trên 3 năm	35.885.000	35.885.000
Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Tập	Quá hạn trên 3 năm	178.436.004	124.905.203	Quá hạn trên 3 năm	178.436.004	124.905.203
Gulshan Polyols Limited	Quá hạn trên 3 năm	849.782	849.782	Quá hạn trên 3 năm	849.782	849.782
Jupiter Chemicals	Quá hạn trên 3 năm	2.853.395	2.853.395	Quá hạn trên 3 năm	2.853.395	2.853.395
Nguyễn Trung Kiên	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	24.000.000	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Trí Dũng	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000	10.100.000	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000	10.100.000
Ngô Chí Dũng	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000	8.640.000	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000	8.640.000
Sarthak International	Quá hạn trên 3 năm	3.841.420	3.841.420	Quá hạn trên 3 năm	3.841.420	3.841.420
Tạ Văn Tuyển	Quá hạn trên 3 năm	60.000.000	60.000.000	Quá hạn trên 3 năm	60.000.000	60.000.000
VIMAL MICRONS LTD	Quá hạn trên 3 năm	295.650	295.650	Quá hạn trên 3 năm	295.650	295.650
Vũ Hoàng Chương	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750	13.055.750	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750	13.055.750
XNCN& DV TMTH Nam Việt- Cty CP tập đoàn Tân Mai	Quá hạn trên 3 năm	98.707.565	98.707.565	Quá hạn trên 3 năm	98.707.565	98.707.565
Xí nghiệp giấy Hiền Hoà	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	10.950.000	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	10.950.000
Ô. Trúy- Cty H/C khoáng sản XD	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000	14.832.000	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000	14.832.000
Ông Dũng - Sở xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000	1.400.000	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000	1.400.000
Ông Hưng - Thanh tra	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000	24.462.000	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000	24.462.000
Ông Nuôi - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000	5.916.000	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000	5.916.000
Ông Quý - Sở địa chính	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000	2.728.000	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000	2.728.000
Ông Sao - Viện nghiên cứu máy	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000	10.230.000	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000	10.230.000
Ông Thuận - Cục đầu tư	Quá hạn trên 3 năm	3.112.390	3.112.390	Quá hạn trên 3 năm	3.112.390	3.112.390
Ông Thắng	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000
Ông Toàn - Cty CPXD & KD nhà	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650	5.373.650	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650	5.373.650
Ông Trần Ngọc Uy	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000	2.160.000	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000	2.160.000
Ông Vành	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800	4.982.800	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800	4.982.800

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Ông Vũ Nuy - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	3.450.000	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	3.450.000
Ông Đông - Phúc yên	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500	142.428.500	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500	142.428.500
Ông ưu - Sở xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000	2.730.000	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000	2.730.000
Đại lý bà Hiệu	Quá hạn trên 3 năm	33.000.000	33.000.000	Quá hạn trên 3 năm	33.000.000	33.000.000
Đại lý bà Hợp	Quá hạn trên 3 năm	17.150.000	17.150.000	Quá hạn trên 3 năm	17.150.000	17.150.000
Đại lý bà Lịch	Quá hạn trên 3 năm	16.310.000	16.310.000	Quá hạn trên 3 năm	16.310.000	16.310.000
Đại lý bà Phương	Quá hạn trên 3 năm	3.028.400	3.028.400	Quá hạn trên 3 năm	3.028.400	3.028.400
Đại lý bà Tám	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000	3.000.000	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000	3.000.000
Đại lý Hải Huế	Quá hạn trên 3 năm	31.015.000	31.015.000	Quá hạn trên 3 năm	31.015.000	31.015.000
Đại lý Hồng Hải	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436	24.102.436	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436	24.102.436
Đại lý Mơ Nhở	Quá hạn trên 3 năm	14.104.000	14.104.000	Quá hạn trên 3 năm	14.104.000	14.104.000
Đại lý Thanh Sơn	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000	48.190.000	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000	48.190.000
Đại lý ông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	38.579.080	38.579.080	Quá hạn trên 3 năm	38.579.080	38.579.080
Đại lý ông Lưu	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200	15.672.200	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200	15.672.200
Đại lý ông Minh - Vĩnh yên	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000	1.300.000	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000	1.300.000
Đại lý ông Nguyễn Phi Long	Quá hạn trên 3 năm	28.831.380	28.831.380	Quá hạn trên 3 năm	28.831.380	28.831.380
Đại lý ông Nguyễn Văn Tĩnh	Quá hạn trên 3 năm	18.098.995	18.098.995	Quá hạn trên 3 năm	18.098.995	18.098.995
Đại lý ông Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	71.970.000	71.970.000	Quá hạn trên 3 năm	71.970.000	71.970.000
Đại lý ông Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	65.801.430	65.801.430	Quá hạn trên 3 năm	65.801.430	65.801.430
Đại lý ông Vàng	Quá hạn trên 3 năm	34.139.500	34.139.500	Quá hạn trên 3 năm	34.139.500	34.139.500
Đại lý ông Vỹ	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020	44.348.020	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020	44.348.020
Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải	Quá hạn trên 3 năm	3.609.100.939	1.082.730.282	Quá hạn trên 3 năm	3.609.100.939	1.082.730.282
Công ty cổ phần Gia Phát Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	198.894.000	198.894.000	Quá hạn trên 3 năm	198.894.000	198.894.000
Công ty cổ phần giấy Thành Đạt	Quá hạn trên 3 năm	647.044.056	194.113.217	Quá hạn trên 3 năm	647.044.056	194.113.217

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công ty TNHH Một thành viên Thành Nam				
QB	Quá hạn trên 3 năm	608.640.000	Quá hạn trên 3 năm	608.640.000
	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	256.900.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	256.900.000
Công ty TNHH Cường Phú				
Vật liệu xây dựng Hiếu Ngọc	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	280.600	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	280.600
Ông Phùng Huy Bình	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	46.600.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	46.600.000
Đại lý Nguyễn Thị Thu Lương	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	500.000.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	500.000.000
Đại lý Trần Trung Phúc	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	153.484.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	153.484.000
Đại lý Sen Luyến	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	58.270.300	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	58.270.300
Đại lý Vinh Mùi	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	27.670.000	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	27.670.000
Đại lý Duy Thúy	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	42.216.250	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	42.216.250
Công nợ phải thu khác		29.100.000		29.100.000
Chu thành khiêm (dư trên 141)	Nợ đã xử lý	1.100.000	Nợ đã xử lý	1.100.000
Nguyễn Văn Minh (dư trên 141)	Nợ đã xử lý	21.000.000	Nợ đã xử lý	21.000.000
Lương Văn Tèo (dư trên 138)	Nợ đã xử lý	7.000.000	Nợ đã xử lý	7.000.000
Cộng		11.756.312.114		11.756.312.114
		7.940.122.172		7.783.794.062

